| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẮC MÊ**<br>TỈNH HÀ GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 25/2021/HS-ST
Ngày 15-12-2021

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Dương Văn Công.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quang Sỹ.
Bà Nguyễn Thị Minh.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Hoàng Thị Hồng Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang***: Bà Bàn Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2021/TLST-HS ngày 23/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2021 đối với:

**- Bị cáo**: Nguyễn Văn T; sinh năm 1996; nơi sinh: Huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn G, sinh năm 1973 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; có 02 anh em ruột bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; có vợ: Sầm Thị L, sinh năm 1998 và có 01 con sinh năm 2015; tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 28/02/2017 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 06/2017/HS-ST (*chưa thi hành về phần dân sự*); ngày 28/3/2019 Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 02 năm 02 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo bản án số 06/2019/HS-ST (*chưa xóa án tích*); nhân thân: Không; tạm giữ: Ngày 29/9/2021; tạm giam: Ngày 08/10/2021 hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

**Bị hại**

- Anh: Hoàng Văn T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt).

- Anh: Bàn Văn C, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

- Anh: Trần Văn T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt).

- Anh: Đặng Văn H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án**

- Anh: Hứa Văn S, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn K, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt).

- Anh: Nguyễn Văn N, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn P, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh: Nguyễn Văn G, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

**Người làm chứng:** Chị Nguyễn Thị N (Có mặt); anh Bồn Văn S (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 26/9/2021 Nguyễn Văn T, điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu SYM, loại STAR, Màu xanh, BKS: 22B1-0307, đi từ xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng sang xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Khi đi đến điểm trường Thôn N, xã Đ, huyện B, T thấy điểm trường không có người, dừng xe lại ở cổng đi bộ vào đến nhà lưu trú của giáo viên, đến phòng đầu tiên nhìn qua khe cửa sổ là phòng của cô giáo Nguyễn Thị N, sinh năm 1990 là giáo viên điểm trường thôn N có một bộ loa kéo (*loa kéo là của ông Hoàng Văn T do anh Bồn Văn S là phụ huynh học sinh của trường N mượn để tổ chức Trung thu cho các cháu chưa trả và gửi tại phòng Nguyễn Thị N*), T nảy sinh ý định trộm cắp.

Nguyễn Văn T thấy cửa phòng đã khóa nên T đi xem xung quanh dãy nhà tập thể phát hiện có những tấm ván bưng vách phòng đầu tiên giáp bếp ăn đã bị mối mọt, dùng tay gậy hai tấm ván ra rồi chui qua khe hở vào nhà là gian phòng cuối không có tài sản gì. T nhìn thấy một chiếc lưỡi lam để trên hòm tôn, T nhặt chiếc lưỡi lam lên rạch tấm bạt bưng gian phòng thứ hai, rồi chui sang gian thứ hai, trèo qua vách ngăn bằng tre nứa để sang gian đầu là phòng ở của cô giáo Nguyễn Thị N đến vị trí để loa kéo, nhãn hiệu JBL, màu vàng - Đen, kèm theo dây nguồn, 02 Micro, 08 pin nhãn hiệu CONTHO để ở góc phòng, T tiếp tục lục đồ đạc trong phòng không phát hiện có tài sản gì khác, T thấy một chùm chìa khóa và một chìa khóa xe máy nhãn hiệu YAMAHA, T liền cầm lấy cho vào túi quần, sau đó lấy loa trèo qua lối cũ ra ngoài đến vị trí để xe máy. T điều khiển xe chở theo bộ loa kéo vừa trộm cắp được đi về hướng xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Trên đường đi T gặp ông Hứa Văn S, ở Thôn K, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng, T hỏi ông S "có mua loa không" Sính trả lời nếu bán rẻ thì mua và hỏi nguồn gốc loa T trả lời là loa của nhà. Hai bên thỏa thuận thống nhất ông S trả cho T số tiền 925.000đ (*Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) đi mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 27/9/2021 khoảng 23 giờ Nguyễn Văn T tiếp tục điều khiển xe môtô nêu trên đi từ xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng, sang xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang mục đích đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến khu vực nhà ông Bàn Văn C ở

thôn Đ, xã Đ, huyện Bắc Mê, T thấy nhà vẫn bật điện sáng đi xe máy qua nhà khoảng 100m dựng xe lại và đi bộ quay lại quan sát xung quanh thấy chủ nhà đã ngủ, T đi vòng ra phía sau nhà (vách bưng bằng phên tre) quan sát qua khe hở vách nhà thấy có 01 chiếc điện thoại di động đang cắm sạc dưới chân cột nhà, T lấy một cành cây nhỏ dài khoảng 1m để khều chiếc điện thoại tuột khỏi dây sạc và rơi xuống gần sàn sát vách thò tay lấy trộm chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, loại A9, màu xanh - đen. Sau khi lấy trộm được điện thoại đi vòng ra trước cửa nhà phát hiện một lồng sắt để cạnh cửa ra vào, lồng sắt dài khoảng 1,20m, rộng khoảng 0,6m, cao khoảng 0,5m, T lấy lồng sắt và buộc lên xe mô tô chở đi sang xã Y, huyện Bảo Lâm. Trên đường đi do trời tối, đường khó đi, lồng Sắt cồng kềnh T đã vứt bỏ lồng sắt ở cạnh đường không xác định được địa điểm nơi vứt.

Ngày 28/9/2021 khoảng 15 giờ chiều Nguyễn Văn T mang chiếc điện thoại trộm cắp được đem đến quán bán điện thoại của ông Nguyễn Văn N, ở Thôn P, thị trấn Y, huyện B. T nói là quên mật khẩu nhờ phá mật khẩu và hỏi công phá mật khẩu điện thoại bao nhiêu tiền, anh Ngũ trả lời là 400.000đ, sau đó T hỏi muốn bán chiếc điện thoại, thì anh Ngũ nhất trí mua, khi cầm điện thoại anh N nghi ngờ và nhớ lại tại phiên chợ xã Đường Âm sáng ngày 28/9/2021 có anh C đến gặp anh N và nói bị mất điện thoại có đặc điểm màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO,A9, màu xanh - đen, cung cấp mật khẩu, có nhờ anh N nếu có ai mang điện thoại có đặc điểm như trên thì giữ lại và chụp ảnh lại cho anh C, lúc đó anh N đã nhập thử mật khẩu điện thoại mở được, do không có biện pháp để giữ T nếu không mua thì T sẽ đem điện thoại đi bán chỗ khác và sợ T nghi ngờ, sẽ bỏ trốn nên anh N mới mua lại chiếc điện thoại với giá 700.000đ với mục đích là giữ lại điện thoại trả cho anh C như đã nhờ trước đó (*anh N không yêu cầu anh C trả công hay khoản phí nào*). Sau khi nhận được tiền T điều khiển xe mô tô đi sang xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 29/9/2021 khoảng 8 giờ 00, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô đi từ xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng đến xã Đ, huyện Bắc Mê, khi đi qua Trung tâm xã khoảng 1km đến đường rẽ lên xóm N thuộc Thôn Đ, xã Đ, huyện B cách đường đi sang huyện Na Hang khoảng 80 mét phát hiện có 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE α, màu trắng - đen, BKS: 23B1- 310.80 là xe mô tô của anh Đặng Văn H, ở thôn Độc Lập xã Đ, huyện B để ở cạnh đường, T nảy sinh ý định trộm cắp đã dùng tay trái nhấc vênh cốp xe lên, tay phải thò vào bên trong cốp xe thấy có một chiếc ví da màu đen, T cầm lấy đút vào túi quần rồi điều khiển xe đi theo hướng đường đi huyện N, tỉnh Tuyên Quang, đi được một đoạn thì mở ví ra kiểm tra không thấy có tiền chỉ có giấy tờ cá nhân như đăng ký xe máy, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế nên T đã để ví dưới gốc cây ven đường.

Do chưa lấy được tiền T quay xe lại vị trí đường rẽ mà T vừa trộm trước ví không có tiền, thấy có một xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Waveα, màu xanh, BKS: 23K1-099.71 của anh Trần Văn T ở Thôn N, xã Đ, huyện B, để cạnh đường T dùng tay trái nâng cốp vênh lên, tay phải thò vào trong cốp xe lấy được

một chiếc ví màu đen, kiểm tra bên trong ví có 1.300.000đồng và một số giấy tờ cá nhân. Sau khi lấy trộm được tiền T điều khiển xe mô tô đi sang xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng dùng số tiền trộm cắp được mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân 580.000đồng, còn lại 720.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*) chưa tiêu.

Đến trưa ngày 29/9/2021 T điều khiển xe mô tô đến Thôn N, xã Đ, huyện B thì bị lực lượng Công an xã tiến hành kiểm tra trên người của T phát hiện có 01 ví da cùng với số tiền 720.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*) và một số giấy tờ cá nhân mang tên Trần Văn T phù hợp với thông tin Trần Văn T báo bị mất.

Ngày 01/10/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B ra quyết định trưng cầu giám định số 42 đến Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang. Nội dung yêu cầu giám định 09 tờ tiền do Công an xã Đ thu giữ trên người Nguyễn Văn T tổng số tiền là 720.000đ (*Bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

Ngày 06/10/2021 kết luận số 403/KL-PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận 09 tờ tiền do Công an xã Đ thu giữ trên người Nguyễn Văn T kết quả đều là tiền thật.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 8/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, A9, màu xanh - đen, màn hình cảm ứng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, có giá trị là 1.550.000đồng *(Một triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng)*; 01 chiếc loa kéo, nhãn hiệu JBL, màu vàng - đen, kèm theo dây nguồn, loa cũ đã qua sử dụng có giá trị là 3.050.000đồng; 02 Micro, màu vàng - đen có giá trị 290.000đồng; 08 quả pin nhãn hiệu CONTHO có giá 40.000đồng. Tổng số tiền là 4.930.000đ *(Bốn triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng)*.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 04/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận: 01 lồng sắt được làm bằng khung sắt phi 6 với lưỡi mắt cáo, kích thước dài khoảng 1,2m, rộng 0,6m; cao khoảng 0,5m chia thành 04 ngăn, nặng khoảng 07kg có giá trị là 500.000đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).

Ngày 19/10/2021 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B xác định hiện trường, vị trí Nguyễn Văn T thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại, 01 lồng sắt bị hại Bàn Văn C; ngày 19/10/2021 xác định địa điểm vị trí Nguyễn Văn T thực hiện hành vi móc cốp xe mô tô của anh Đặng Văn H và móc cốp xe mô tô của Trần Văn T lấy trộm tiền và ngày 20/10/2021 xác định vị trí Nguyễn Văn T cậy ván bưng vào nhà lưu trú giáo viên trộm cắp 01 loa kéo, Micro và 08 quả pin của Hoàng Văn T. Trong quá trình thực hiện xác định hiện trường phù hợp với lời khai có trong hồ sơ vụ án.

**Vật chứng vụ án thu giữ**

- 01 ví da màu đen, nhãn hiệu GENUINE LEATHER, bên trong ví có 01 Căn cước công dân, số 002092002604, cấp ngày 29/4/2021, nơi cấp cục cảnh sát hành chính về TTXH; 01 giấy phép lái xe số 020167004752, cấp ngày

04/7/2016, mang tên Trần Văn T; 01 Đăng ký xe mô tô số 23000500, BKS 23K1- 099.71 cấp ngày 28/6/2021; 01 thẻ ngân hàng Agribank mang tên Trần Văn T; 01 Chứng nhận bảo hiệu bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô, xe máy số 2121050043541.

- Tiền VNĐ 720.000đ (*Bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

- 01 ví da màu đen, trên ví có ký hiệu không rõ hình, bị rách hỏng phần gáy, trong ví có 01 Căn cước công dân số 002086002301; 01 Căn cước công dân số 002184002288; 01 Căn cước công dân số 002306002235 đều cấp ngày 29/4/2021, nơi cấp cục quản lý hành chính về TTXH; 01 Đăng ký xe mô tô số 017918, BKS 23D1-310.80; 01 Đăng ký xe mô tô số 002157,BKS 23K1-017.45, 01 giấy phép lái xe số AS 807475, cấp ngày 06/9/2011, nơi cấp sở GTVT Hà Giang; 01 Chứng nhận bảo hiệu bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô, xe máy số AA20/3010920; 03 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Đặng Văn H, Triệu Thị Pổ và Đặng Thị Linh.

- 01 chùm chìa khóa, gồm 10 chìa khóa; 01 chìa khóa xe máy YAMAHA,màu đen.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9, màu xanh đen, màn hình cảm ứng, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- 01 loa kéo, nhãn hiệu JBL, màu vàng - đen, kèm theo dây nguồn, loa cũ đã qua sử dụng; 02 micro, màu vàng - đen; 08 pin nhãn hiệu CON THO;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu sơn xanh có kèm theo chìa khóa xe máy BKS: 22B1-0307, xe cũ đã qua sử dụng, không có gương bên phải, phần vỏ bị trầy xước và bị rạn nứt, vỡ nhiều chỗ, đèn hậu vỡ, yên xe bị rách.

- 01 chiếc lưỡi dao lam bằng kim loại màu xám, có kích thước dài 04cm x rộng 02cm, trên lưỡi lam có dòng chữ CROMA.

**Xử lý vật chứng**

- Trả cho ông Hoàng Văn T 01 loa kéo, nhãn hiệu JBL, màu vàng - đen, kèm theo dây nguồn, loa cũ đã qua sử dụng; 02 micro, màu vàng – đen; 08 pin nhãn hiệu CON THO;

- Trả cho ông Trần Văn T 01 ví da màu đen, nhãn hiệu GENUINE LEATHER, bên trong ví có 01 Căn cước công dân, số 002092002064, cấp ngày 29/4/2021, nơi cấp cục cảnh sát hành chính về TTXH; 01 giấy phép lái xe số 020167004752, cấp ngày 04/7/2016, mang tên Trần Văn T; 01 Đăng ký xe mô tô số 23000500, BKS 23K1- 099.71 cấp ngày 28/6/2021; 01 thẻ ngân hàng Agribank mang tên Trần Văn T; 01 Chứng nhận bảo hiệu bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô, xe máy số 2121050043541; Tiền VNĐ 720.000đồng.

- Trả cho ông Đặng Văn H 01 ví da màu đen, trên ví có ký hiệu không rõ hình, bị rách hỏng phần gáy, trong ví có 01 Căn cước công dân số 002086002301; 01 Căn cước công dân số 002184002288; 01 Căn cước công dân số 002306002235 đều cấp ngày 29/4/2021, nơi cấp cục quản lý hành chính về TTXH; 01 Đăng ký xe mô tô số 017918, BKS 23D1-310.80; 01 Đăng ký xe mô tô số 002157,BKS 23K1-017.45, 01 giấy phép lái xe số AS 807475, cấp ngày 06/9/2011, nơi cấp sở GTVT Hà Giang; 01 Chứng nhận bảo hiệu bắt buộc

TNDS của chủ xe mô tô, xe máy số AA20/3010920; 03 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Đặng Văn H, Triệu Thị P và Đặng Thị L.

- Trả cho ông Bàn Văn C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9, màu xanh đen, màn hình cảm ứng, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- Trả cho bà Nguyễn Thị N 01 chùm chìa khóa, gồm 10 chìa khóa; 01 chìa khóa xe máy YAMAHA,màu đen.

**Tang vật chưa xử lý**: 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu sơn xanh có kèm theo chìa khóa xe máy BKS: 22B1-0307, xe cũ đã qua sử dụng, không có gương bên phải, phần vỏ bị trầy xước và bị rạn nứt; 01 chiếc lưỡi dao lam bằng kim loại màu xám, có kích thước dài 04cm x rộng 02cm, trên lưỡi lam có dòng chữ CROMA.

- Đối với 01 chiếc lồng sắt được hàn bằng khung sắt phi 6 với lưới mắt cáo có kích thước dài 1,2m, rộng 0,6m, cao khoảng 0,5m chia thành 04 ngăn, nặng khoảng 7kg, T khai đã vứt bỏ lồng ở cạnh đường nhưng không nhớ chích xác vị trí vứt nên không thu hồi được.

- **Về trách nhiệm dân sự**: Quá trình điều tra bị hại Bàn Văn C đề nghị Nguyễn Văn T bồi thường cho gia đình số tiền là 500.000đ *(Năm trăm nghìn đồng)* tiền chiếc lồng sắt; ông Trần Văn T đề nghị Nguyễn Văn T trả lại số tiền 580.000đ *(Năm trăm tám mươi nghìn đồng*).

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án**

- Ông Nguyễn Văn N có đơn đề nghị không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*).

- Ông Hứa Văn S mua chiếc loa kéo, micro, 08 quả pin CONTHO của Nguyễn Văn T do không biết là tài sản trộm cắp mà có nên đề nghị Nguyễn Văn T phải trả lại số tiền 925.000đ (*Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng có mặt khai hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 24/CT-VKSBM ngày 22/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích về tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử.

- Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 30 tháng đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 29/9/2021.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo bồi thường,

+ Bị hại Bàn Văn C số tiền là 500.000đ *(Năm trăm nghìn đồng)*; ông Trần Văn T số tiền 580.000đ *(Năm trăm tám mươi nghìn đồng*).

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Hứa Văn S số tiền 925.000đ (*Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

- Về hình phạt bổ sung: Không.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Trả cho ông Nguyễn Văn G 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại STAR, màu sơn xanh, BKS 22B1-0307, xe cũ đã qua sử dụng, kèm theo chìa khóa.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc lưỡi dao lam bằng kim loại màu xám, có kích thước dài 04cm x rộng 02cm, trên lưỡi lam có dòng chữ CROMA.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1, khoản 3 điều 21, khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị cáo Nguyễn Văn T chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ và tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 300.000đ.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt phiên tòa nhất trí với toàn bộ quan điểm kiểm sát viên.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị hại Hoàng Văn T, Trần Văn T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt, Hứa Văn S vắng mặt không lý do; người làm chứng Bồn Văn S vắng mặt không lý do, nhưng có lời khai trong hồ sơ vụ án không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và vật chứng đã thu giữ được, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận: Ngày 26, 27 và ngày 29/9/2021 bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản Hoàng Văn T 01 bộ loa kéo trị giá là 3.380.000đ; Bàn Văn C 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, A9 và 01 lồng sắt trị giá 2.050.000đ; Đặng Văn H 01 chiếc ví da màu đen không có tiền chỉ có các loại giấy tờ cá nhân đăng ký xe máy, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm; Trần Văn T 01 ví màu đen có tiền 1.300.000đ và một số giấy tờ cá nhân. Bị cáo đã tiêu hết 580.000đ, còn lại 720.000đ. Tổng giá trị tài sản là 6.730.000đ (*Sáu triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng)*.

Tại bản án số 06/2019/HS-ST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang đã áp dụng tình tiết là "Tái phạm" xử phạt bị cáo 02 năm 02 tháng tù *về tội Trộm cắp tài sản và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*. Đến ngày 25/12/2020 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, tính đến lần phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, do đó hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm". Do đó hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự:

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

*1.....*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

.....

*g) Tái phạm nguy hiểm*.

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng.*

Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội bị cáo: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là vi phạm pháp luật, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng do ham chơi, lười lao động mong muốn chiếm đoạt được tài sản người khác đem đi bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. Nên cần có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để có đủ thời gian giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

*Bị cáo Nguyễn Văn T đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục quyết định tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án theo quy định Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.*

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó có 02 lần giá trị tài sản trên 2.000.000đ nên phải chịu trách nhiệm tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên" trước khi hành vi trộm cắp tài sản bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích.

[7] Về nhân thân các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu ngày 28/02/2017 bị Tòa án nhân dân huyện N, xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 06/2017/HS-ST (*chưa thi hành về phần dân sự*); năm 2019 đã bị Tòa án nhân dân huyện N, xử phạt 02 năm 02 tháng tù *về tội Trộm cắp tài sản và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*, bị cáo không lấy đó làm bài học sửa chữa bản thân mà vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước.

[8] Trong vụ án còn một số hành vi, đối tượng liên quan:

[8.1] Đối với Nguyễn Văn T các lần trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy ở xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng để sử dụng nhiều lần. Quá trình điều tra không xác định được địa chỉ, đối tượng bán ma túy T nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với hành vi "*Sử dụng trái phép chất ma túy"* ngày 10/11/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra Quyết định xử lý hành chính đối với Nguyễn Văn T là phù hợp.

[8.2] Đối với ông Nguyễn Văn N, là người mua lại chiếc điện thoại của T giá 700.000đồng với mục đích là giữ lại điện thoại cho anh Công nhờ trước đó, không nhằm mục đích kiếm lời hoặc có thủ đoạn khác do vậy cơ quan điều tra Công an huyện B không xem xét xử lý là đúng quy định.

[8.3] Đối với ông Hứa Văn S, đi trên đường thì gặp Nguyễn Văn T nói bán loa, khi mua anh S hỏi nguồn gốc T trả lời là loa của nhà anh S đã mua với giá 925.000đ. Quá trình điều tra Sính không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên không xử lý đối với S về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[9] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy đại diện Viện Kiểm sát đề nghị là có căn cứ chấp nhận.

[10] Về hình phạt bổ sung: Quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ". Tuy nhiên, các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, thì bị cáo là người dân tộc thiểu số, lao động tự do, thu nhập không ổn định, thuộc hộ cận

nghèo không có khả năng thi hành. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

[11.1] Bị hại anh Hoàng Văn T sau khi nhận được sản 01 bộ loa kéo sử dụng bình thường, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11.2] Bị hại anh Đặng Văn H sau khi nhận được 01 ví da và giấy tờ cá nhân liên quan sử dụng bình thường, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11.3] Bị hại anh Bàn Văn C sau khi nhận được tài sản 01 điện thoại OPPO sử dụng bình thường, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập xử lý; ngoài ra yêu cầu bị cáo bồi thường chiếc lồng sắt giá trị là 500.000đ là có cơ sở nên chấp nhận.

[11.4] Bị hại anh Trần Văn T mất số tiền 1.300.000đ, đã nhận lại số tiền 720.000đ, nay số tiền còn thiếu yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 580.000đ có là phù hợp cần chấp nhận.

[12] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

[12.1] Anh Nguyễn Văn N sau khi mua điện thoại OPPO của bị cáo 700.000đ vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên. Hội đồng xét xử không xem xét.

[12.2] Anh Hứa Văn S mua 01 bộ loa kéo của bị cáo ngay tình, không biết tài sản do trộm cắp mà có, nên yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 925.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[13] Về xử lý vật chứng

[13.1] Cơ quan điều tra sau khi thu giữ tài sản đã xác minh làm rõ, trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp anh Hoàng Văn T, anh Trần Văn T, anh Đặng Văn H, anh Bàn Văn C, chị Nguyễn Thị N là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13.2] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu sơn xanh có kèm theo chìa khóa xe máy BKS: 22B1-0307. Bị cáo Nguyễn Văn T dùng làm phương tiện phạm tội đúng theo quy định của pháp luật phải tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, chiếc xe mô tô là của bố đẻ bị cáo ông Nguyễn Văn G sử dụng làm phương tiện đi lại duy nhất của gia đình nên cần trả lại chiếc mô tô trên cho ông Nguyễn Văn G là phù hợp. Đối với 01 chiếc lưỡi dao lam bằng kim loại màu xám, có kích thước dài 04cm x rộng 02cm, trên lưỡi lam có dòng chữ CROMA không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[14] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[15] Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*.

**QUYẾT ĐỊNH**:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **30** (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 29/9/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường tổng số tiền 2.005.000đ trong đó:

- Anh Bàn Văn C số tiền là 500.000đ *(Năm trăm nghìn đồng)*; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Anh Trần Văn T số tiền 580.000đ *(Năm trăm tám mươi nghìn đồng*); nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Anh Hứa Văn S số tiền 925.000đ (*Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*); nơi cư trú: Thôn K, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

*Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn G; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu sơn xanh có kèm theo chìa khóa xe máy BKS:22B1-0307, số khung MA10D4510743, số máy GU 510743, xe cũ đã qua sử dụng, không có gương bên phải, phần vỏ bị trầy xước và bị rạn nứt, vỡ nhiều chỗ, đèn hậu vỡ, yên xe bị rách, xe trong tình trạng bị han dỉ.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc lưỡi dao lam bằng kim loại màu xám, có kích thước dài 04cm x rộng 02cm, trên lưỡi lam có dòng chữ CROMA.

(*Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/11/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B*).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố Tụng hình sự; khoản 1 khoản 3 điều 21, khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Nguyễn Văn T chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ và tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 300.000đ. Tổng cộng là **500.000đ** (*Năm trăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

**Nơi nhận**:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện + tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện B;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Nhà tạm giữ Công an huyện B;
- Cơ quan THAHS CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- UBND xã C, huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
**(Đã ký)**

**Dương Văn Công**